| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NÔNG CỐNG**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **19**/2025/HNGĐ - ST<br>Ngày 14 - 5 - 2025<br>V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Bùi Thị Vân

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST - HNGĐ ngày 25/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1991 (có mặt)

ĐKHKTT: Thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2024, bản tự khai ngày 13/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khắc T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/02/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Hai bên gia đình đã hòa giải phân tích nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay anh T đi làm ở tỉnh Quảng Bình nhưng cũng

không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Khắc T.

- Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung là Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Khắc Hải Đ1, sinh ngày 17/8/2021. Hiện nay 2 con đang ở với chị M. Chị M làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con. Nguyện vọng của chị khi ly hôn xin được nuôi 2 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.00đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Nguyễn Khắc T:* Tòa án đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Nguyễn Khắc T. Nhưng trong thời hạn quy định anh T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 02 tháng 4 năm 2025, bà Lại Thị H- mẹ đẻ của anh Nguyễn Khắc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc T là con trai của bà và có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Anh T và chị M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có thời gian chơi bời, không tu chí làm ăn nên chị M làm đơn xin ly hôn. Thời gian gần đây anh T đã tu chí làm ăn, vợ chồng đã về chung sống. Hiện nay anh T đang đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể gia đình không biết. Anh T thường xuyên liên lạc về với gia đình. Gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản bà đã thông báo ngay lại cho anh T biết. Quan điểm của anh T cũng như gia đình bà mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh T và chị M có 2 con chung là Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Khắc Hải Đ1, sinh ngày 17/8/2021. Các con đang ở với chị M. Nếu vợ chồng ly hôn anh T có nguyện vọng xin được nuôi 1 cháu.

Về tài sản và nợ chung: Nếu vợ chồng ly hôn anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho anh T biết và giao ngay lại khi anh T về nhà.

* *Tại phiên tòa*: Chị Bùi Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Khắc T. Về con chung: Chị M xin được nuôi 2 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con

là 1.500.00đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị M và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/02/2012, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị M được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 cháu là Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Khắc Hải Đ1, sinh ngày 17/8/2021 cho chị M trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 đến khi con thành niên; phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

+ Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Khắc T có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Bùi Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

- Anh Nguyễn Khắc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Khắc T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân là do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Tại phiên tòa chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh T. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có biện pháp để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Xét thấy đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Khắc T là phù hợp.

- Về con chung: Chị M và anh T có 2 con chung là Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Khắc Hải Đ1, sinh ngày 17/8/2021. Khi ly hôn chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con. Đối với anh T nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi 1 cháu. Xét thấy chị M và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con của chị M và anh T thì thấy: Hiện nay 2 con đang ở với chị M. Chị M làm công nhân, có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con. Cháu

Nguyễn Ngọc Minh Đ cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hiện nay anh T đi làm xa nhà, không có điều kiện trực tiếp để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện cho con phát triển tốt về mọi mặt và không xáo trộn cuộc sống của con cần giao 2 con cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng) là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

- Về tài sản và nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Khắc T.

2. Về con chung: Giao 2 cháu là Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Khắc Hải Đ1, sinh ngày 17/8/2021 cho chị M trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 đến khi con thành niên; phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Nguyễn Khắc T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0005410 ngày 03/01/2025. Chấp nhận chị M

đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Khắc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã T1;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trịnh Thị Hà**